

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (ĐIỀU CHỈNH ĐỢT 1)

Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành đoạn qua xã Xuân Hoà

ĐVT: đồng

1	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m2)	Diện tích đất bồi thường (m2)				Diện tích đất hỗ trợ (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Bồi thường chi phí di chuyển	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	THƯỜNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI BÀN GIAO MẶT BẰNG TRƯỚC THỜI HẠN	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và thường
			Nông nghiệp		Phi Nông nghiệp									
			Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở								
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	14	15	16	17	
1	Bà Nguyễn Thị Việt Trinh	2.107,70	2.107,70	-	-	-	-	335.124.300		6.492.048	-	504.486.450	20.000.000	866.102.798
2	Hộ Bà Phạm Thị Phương và Ông Mạc Thiện Nghĩa	953,40	953,40	953,40	-	-	-	151.590.600	61.939.500	37.044.478	-	180.744.525	16.000.000	447.319.103
3	Ông Hoàng Bảo Lâm nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông Hoàng Nậy và bà Bùi Thị Cúc	3.914,80	3.914,80	-	-	-	-	622.453.200	202.928.000	57.685.876	-	937.279.800	20.000.000	1.840.346.876
4	Bà Hồ Thị Chí	143,00	143,00	-	-	-	-	22.737.000		1.721.526	-	35.905.500	8.000.000	68.364.026
5	Ông Nguyễn Phú Kinh và bà Nguyễn Thị Thu Vân	34,20	34,20	-	-	-	-	5.437.800			-	11.756.700	2.000.000	19.194.500
6	Ông Lê Quang Thanh												8.000.000	68.792.247

		146,80	146,80	-	-	-	-	23.341.200		639.247	-	36.811.800		
7	Ông Cao Duy Lương và bà Nguyễn Thị Thu Cúc	2.856,50	2.856,50	794,80	-	-	-	454.183.500	158.021.500	80.310.345	-	683.075.250	20.000.000	1.395.590.595
8	Bà Nguyễn Thị Thuý và ông Lê Đình Nông	6.230,30	6.230,30	4,20	-	-	-	747.799.800		182.829.318	-	1.125.299.700	20.000.000	2.075.928.818
9	Bà Trần Thị Dung	375,00	375,00	-	-	-	-	59.625.000		1.653.225	-	91.237.500	12.000.000	164.515.725
10	Ông Nguyễn Ngọc Hoà	1.999,30	1.999,30	4,50	-	-	-	317.888.700		8.812.791	-	478.633.050	20.000.000	825.334.541
11	Ông Nguyễn Văn Anh	1.614,70	1.614,70	-	-	-	-	256.737.300		19.780.770	-	386.905.950	20.000.000	683.424.020
12	Ông Phạm Khánh Long; Bà Phạm Thị Bích Thủy, bà Phạm Thị Ly Ly, bà Phạm Thị Xuân Tâm và bà Phạm Thị Thúy Linh (thừa kế QSDĐ của ông Phạm Văn Quát)	374,50	374,50	374,50	-	-	-	59.545.500		1.322.580	-	98.318.250	12.000.000	171.186.330
13	Ông Nguyễn Chí Tâm - tài sản xây dựng trên thửa 48 tờ 193 (Bà Đỗ Thị Lạ nhận thừa kế QSDĐ hộ ông Nguyễn Văn Vĩnh)	-	-	-	-	-	-	-	590.038.509	13.517.631	-	-	20.000.000	623.556.140
14	Ông Hoàng Thái Thanh	7.925,00	7.925,00	-	-	-	-	1.182.883.200		34.938.155	-	1.777.924.800	20.000.000	3.015.746.155

15	Ông Nguyễn Văn Đức (là người đại diện của những người thừa kế quyền sử dụng đất)	99,80	99,80	-	-	-	-	30.339.200	257.960.160	701.400	-	27.480.720	16.000.000	332.481.480
16	Ông Trần Văn Quang	269,30	269,30	5,20	-	-	-	43.891.700		5.238.954	-	67.637.550	12.000.000	128.768.204
17	Ông Trần Văn Sang và bà Nguyễn Thị Huệ	18,50	18,50	18,50	-	-	-	2.941.500			-	3.600.000	2.000.000	8.541.500
18	Bà Trần Thị Tấn	1.627,90	1.627,90	863,10	-	-	-	298.583.500	57.369.600	26.604.035	-	449.675.250	20.000.000	852.232.385
19	Ông Nguyễn Xuân Cương và bà Lê Thị Thủy Tiên	421,50	385,50	-	36,00	36,00	-	296.731.400	67.294.980	6.692.128	-	187.475.325	20.000.000	578.193.833
20	Ông Nguyễn Thời Dũng cùng sử dụng đất với ông Hồ Quý	572,20	572,20	-	-	-	-	173.948.800	2.020.800	13.954.060	-	264.523.200	16.000.000	470.446.860
21	Ông Trịnh Quang Tiến và bà Lê Thị Thúy Nga	42,30	42,30	-	-	-	-	22.419.000	149.635.543	1.998.464	-	3.600.000	12.000.000	189.653.007
22	Bà Đậu Thị Khấn	5.904,70	5.904,70	1.857,40	-	-	-	775.522.100	214.861.416	21.906.333	-	1.153.035.510	20.000.000	2.185.325.359
23	Bà Châu Thị Ái Nữ nhận thừa kế QSDĐ của ông Trần Thanh Minh	1.745,70	1.745,70	-	-	-	-	307.243.200		35.043.090	-	462.664.800	20.000.000	824.951.090
24	Ông Nguyễn Xuân Vinh cùng sử dụng đất với bà Nguyễn Thị	43,90	43,90	-	-	-	-	23.267.000	106.967.824	1.649.415	-	3.600.000	12.000.000	147.484.239

	Thiên Nhận													
25	Hộ ông Nguyễn Văn Quỳnh	21,00	21,00	-	-	-	-	11.130.000	27.363.055	3.249.430	-	3.600.000	4.000.000	49.342.485
26	Bà Nguyễn Thị Tố Phương	102,50	102,50	-	-	-	-	38.950.000	139.200	323.064	-	60.225.000	8.000.000	107.637.264
27	Hộ ông Lương Văn Cấn	4,10	4,10	-	-	-	-	1.558.000	2.311.100	1.711.540	-	7.737.000	2.000.000	15.317.640
28	Bà Đào Thị Kim Hoa	502,30	502,30	-	-	-	-	152.699.200	326.725.815	23.892.784	10.000.000	50.400.000	20.000.000	583.717.799
29	Hộ bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh và ông Lưu Minh Sơn	2.109,80	2.109,80	-	-	-	-	371.324.800	3.969.600	96.746.753	-	564.187.200	20.000.000	1.056.228.353
30	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	3.683,60	3.683,60	128,20	-	-	-	648.313.600		11.270.318	-	974.270.400	20.000.000	1.653.854.318
31	Hộ ông Bùi Văn Thuận và bà Trần Ngọc Hương	279,00	279,00	-	-	-	-	49.104.000	210.301.146	12.962.826	-	44.803.200	16.000.000	333.171.172
32	Bà Nguyễn Thị Kim Hương là đại diện của người được thừa kế Quyền sử dụng đất	434,10	434,10	-	-	-	-	76.401.600	76.175.693	40.904.430	-	116.402.400	16.000.000	325.884.123

33	Hộ ông Hoàng Thái Sơn và bà Bùi Lê Thảo	1.951,20	1.951,20	-	-	-	-	343.411.200	174.000	39.159.900	-	525.916.800	20.000.000	928.661.900
34	Ông Trương Thanh Tú	1.793,10	1.793,10	-	-	-	-	315.585.600	30.523.520	109.810.010	-	1.800.000	16.000.000	473.719.130
35	Ông Nguyễn Văn Sinh	3.747,80	3.747,80	3.747,80	-	-	-	659.612.800	69.811.200	215.308.076	-	991.219.200	20.000.000	1.955.951.276
36	Ông Nguyễn Văn Tiến và bà Lê Thị An	11,40	11,40	-	-	-	-	1.812.600	42.156.749	1.744.526	-	3.600.000	4.000.000	53.313.875
37	Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý	239,10	239,10	-	-	-	-	72.060.160	371.200	738.432	-	1.800.000	8.000.000	82.969.792
38	Bà Nguyễn Thị Kim Hương - đất tranh chấp với ông Bùi Quốc Tân	686,10	686,10	-	-	-	-	120.753.600	-	-	-	181.130.400	-	301.884.000
39	Hộ ông Nguyễn Bá Hùng và bà Nguyễn Thị Thuý Vân	5,60	5,60	-	-	-	-	2.968.000	75.588.218	1.851.500	-	7.200.000	8.000.000	95.607.718
40	Hộ ông Hồ Tấn Hòa	590,20	290,20	-	300,00	300,00	-	1.203.806.000	1.997.932.118	8.506.215	10.000.000	112.001.733	20.000.000	3.352.246.066
41	Ông Huỳnh Ngọc Linh	230,60	172,40	-	58,20	58,20	-	126.905.600	173.883.284	3.831.533	10.000.000	69.745.584	16.000.000	400.366.001

42	Bà Nguyễn Thị Thõa	334,60	184,60	-	150,00	150,00	-	622.838.000	805.606.592	513.000	10.000.000	104.426.288	20.000.000	1.563.383.880
43	Bà Đặng Thị Phương Dung	565,20	415,20	-	150,00	150,00	-	745.056.000	522.000	733.286		1.800.000	20.000.000	768.111.286
44	Hộ Trần Kim Thành	223,10	223,10	-	-	-	-	118.243.000	981.997.320	3.166.171	-	61.432.125	20.000.000	1.184.838.616
45	Bà Đỗ Thị Lạ nhận thừa kế QSDĐ hộ ông Nguyễn Văn Vĩnh	7.611,60	7.611,60	1.627,30	-	-	-	1.710.909.700	892.076.436	98.800.509	10.000.000	2.214.154.530	20.000.000	4.945.941.175
46	Bà Phạm Thị Thuý Diễm	10.612,20	10.612,20	-	-	-	-	2.395.112.300	940.750.682	391.843.445	-	1.800.000	20.000.000	3.749.506.427
47	Ông Huỳnh Ngọc Đông và bà Nguyễn Thị Phụng	247,40	237,40	-	10,00	10,00	-	84.969.600	283.887.050	351.800	-	24.327.360	16.000.000	409.535.810
48	Ông Võ Hoàng Anh và bà Đặng Thị Thuý Linh	7.283,70	7.283,70	1.489,70	-	-	-	1.242.848.200		163.336.989	-	3.600.000	20.000.000	1.429.785.189
49	Ông Nguyễn Phú Quý	4.572,20	4.572,20	-	-	-	-	804.707.200	196.390.808	141.638.659	-	1.178.540.400	20.000.000	2.341.277.067
50	Bà Hoàng Thị Chiếu - tài sản xây dựng trên đất Huỳnh Ngọc Đông và Nguyễn Thị Phụng (thửa 106 tờ 193)	-	-	-	-	-	-	-	203.676.220	4.731.851	-	-	16.000.000	224.408.071

51	Ông Nguyễn Quốc Thái	471,10	471,10	-	-	-	-	116.571.840	-	-	-	1.800.000	12.000.000	130.371.840
52	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	79,70	79,70	-	-	-	-	24.228.800	-	-	-	3.600.000	4.000.000	31.828.800
53	Hộ ông Trần Đức Hiếu	553,40	553,40	-	-	-	-	168.233.600	25.610.420	43.615.797		259.550.400	16.000.000	513.010.217
54	Ông Phạm Quang Nam	344,00	244,00	-	100,00	100,00	-	479.320.000	261.656.480	4.066.658	10.000.000	50.400.000	20.000.000	825.443.138
55	Hộ bà Vũ Thị Kim Loan	280,70	200,70	-	80,00	80,00	-	386.371.000	968.729.138	2.229.000	10.000.000	64.800.000	20.000.000	1.452.129.138
56	Ông Phạm Hải Hồ	2.503,20	2.503,20	-	-	-	-	421.751.000	96.076.800	23.560.539	-	3.600.000	20.000.000	564.988.339
57	Ông Đàm Công Thiện và bà Nguyễn Kiều Dung	1.163,20	1.163,20	-	-	-	-	204.723.200	2.044.800	77.144.234	-	7.200.000	16.000.000	307.112.234
58	Bà Nguyễn Thị Lãnh	2.761,00	2.761,00	-	-	-	-	485.936.000	71.331.100	153.227.260	-	3.600.000	20.000.000	734.094.360
59	Ông Bùi Quốc Tân	4.296,40	4.296,40	-	-	-	-	756.166.400		13.214.856	-	3.600.000	20.000.000	792.981.256
60	Bà Trần Thị Hồng Oanh	288,70	196,60	-	92,10	92,10	-	177.654.400	307.166.313	1.210.004	-	83.469.600	20.000.000	589.500.317

TỔNG CỘNG	142.015,10	140.438,80	14.073,80	1.576,30	1.576,30	-	31.680.428.180	13.642.207.710	3.125.012.012	80.000.000	25.468.330.158	1.114.000.000	75.109.978.061 (a)
Kinh phí của Tổ chức thực hiện bồi thường: (b) = (a) x 3,5%													2.628.849.232(b)
Trong đó: _ Kinh phí của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Xuân Lộc (85%) (c) =(b) x 85%													2.234.521.847(c)
Kinh phí của UBND xã Xuân Hòa (15%) (d) = (b) x 15%													394.327.385(d)
TỔNG GIÁ TRỊ CỦA PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG: (a+b)													77.738.827.293